Biểu số 04

KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRONG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 12 tháng 2 năm 2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: ha

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã																							
				Thị trấn Vĩnh Lộc	Xã Bình Nhân	Xã Bình Phú	Xã Hà Lang	Xã Hòa An	Xã Hòa Phú	Xã Hùng Mỹ	Xã Kiến Đài	Xã Kim Bình	Xã Minh Phú	Xã Ngọc Hội	Xã Nhân Lý	Xã Phú Bình	Xã Phúc Thịnh	Xã Tân An	Xã Tân Mỹ	Xã Tân Thịnh	Xã Tri Phú	Xã Trung Hà	Xã Trung Hòa	Xã Vinh Quang	Xã Xuân Quang	Xã Yên Lập	Xã Yên Nguyên
(1)	(2)	(3)	(4)=(5+...+32)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**-**																								
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**6,46**	**0,05**	**-**	**-**	**2,04**	**-**	**-**	**0,37**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1,70**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2,30**	**-**	**-**
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	6,41	-	-	-	2,04	-	-	0,37	-	-	-	-	-	-	-	-	1,70	-	-	-	-	-	2,30	-	-
-	*Đất giao thông*	*DGT*	-																								
-	*Đất thủy lợi*	*DTL*	-																								
-	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	-																								
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	-																								
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*	*DGD*	-																								
-	*Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*	*DTT*	-																								
-	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*6,41*	-	-	-	*2,04*	-	-	*0,37*	-	-	-	-	-	-	-	-	*1,70*	-	-	-	-	-	*2,30*		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,05	0,05																							
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**-**																								
4	**Đất khu công nghệ cao***	**KCN**	**-**																								
5	**Đất khu kinh tế***	**KKT**	**-**																								